

**NGHỊ QUYẾT**

**Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**  
(từ ngày 04/12/2018 đến ngày 06/12/2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND, ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

**1. Biên chế hành chính: 9.906 biên chế, trong đó:**

- Biên chế công chức: 8.227 biên chế (gồm dự phòng 17 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.437 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 242 chỉ tiêu.

**2. Biên chế sự nghiệp: 143.969 biên chế, trong đó:**

- Biên chế viên chức: 123.765 biên chế (gồm dự phòng: 36 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 11.274 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.930 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện tổng biên chế hành chính, sự nghiệp đúng số giao theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ và theo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 (Khóa XII), Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị định của Chính phủ gắn liền với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù về khuyến khích các đối tượng nghỉ tình giản biên chế của Thành phố, báo cáo đề xuất với HĐND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Nâng cao hiệu quả của đề án vị trí việc làm được phê duyệt; tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đổi mới nội dung, hình thức thi tuyển, nghiên cứu cơ chế xét tuyển đối với một số đối tượng đặc thù để đảm bảo thu hút người có đức, có tài phục vụ cho các cơ quan của Thành phố.

4. Thực hiện việc chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và sang mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo thực hiện chỉ

tiêu đến năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, thí điểm mô hình tự chủ đối với các Trường Trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Chỉ đạo các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, các đơn vị thực hiện nghiêm và không được tự ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, kiên quyết chấm dứt theo Nghị quyết của HĐND Thành phố; xây dựng kế hoạch, báo cáo UBND Thành phố để tổ chức thi tuyển; nếu thi tuyển không được dứt khoát chấm dứt hợp đồng lao động. Trong năm 2019 phải xây dựng kế hoạch để xử lý xong dứt điểm 242 lao động hợp đồng theo chỉ tiêu của lực lượng Thanh tra xây dựng cũ, nay đã chuyển giao về UBND các quận, huyện, thị xã.

6. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động thuộc các cơ quan Thành phố.

7. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) và theo Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy, xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị của Thành phố; báo cáo HĐND Thành phố để thực hiện theo thẩm quyền.

8. Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các ngành liên quan của Thành phố thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực tổ chức, bộ máy, biên chế để sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời theo đúng các quy định của pháp luật.

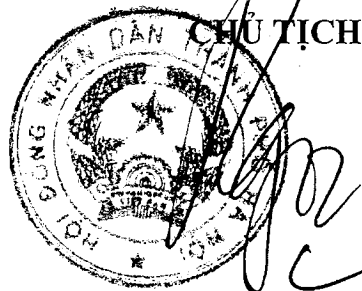
**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Đề nghị Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**



**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH  
TRONG CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2019**

*(Kế hoạch được Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2019			
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
	<b>Tổng cộng toàn Thành phố</b>	<b>9 906</b>	<b>8 227</b>	<b>1 437</b>	<b>242</b>
<b>I</b>	<b>Khối Sở ngành</b>	<b>4 303</b>	<b>3 429</b>	<b>857</b>	<b>17</b>
1	Văn phòng UBND Thành phố	207	153	54	
2	Văn phòng HĐND Thành phố	67	53	14	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	85	72	13	
4	Sở Nội vụ	169	128	41	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	782	601	181	
6	Sở Công Thương	148	128	20	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	180	163	17	
8	Sở Tài chính	243	225	18	
9	Sở Xây dựng	248	208	23	17
10	Sở Giao thông Vận tải	718	427	291	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	122	103	19	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	166	152	14	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	151	131	20	
14	Sở Y tế	187	154	33	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	127	111	16	
16	Sở Du lịch	64	55	9	
17	Sở Tư pháp	86	76	10	
18	Sở Ngoại vụ	41	33	8	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	187	171	16	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	106	91	15	
21	Thanh tra Thành phố	125	117	8	
22	Ban Dân tộc	29	21	8	
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	65	56	9	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2019			
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
<b>II</b>	<b>Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã</b>	<b>5 586</b>	<b>4 781</b>	<b>580</b>	<b>225</b>
1	Quận Hoàn Kiếm	229	188	28	13
2	Quận Hai Bà Trưng	262	200	32	30
3	Quận Ba Đình	206	175	18	13
4	Quận Đống Đa	268	218	28	22
5	Quận Tây Hồ	180	153	17	10
6	Quận Thanh Xuân	179	151	18	10
7	Quận Cầu Giấy	173	150	17	6
8	Quận Hoàng Mai	207	171	17	19
9	Quận Long Biên	194	161	13	20
10	Quận Nam Từ Liêm	179	151	20	8
11	Quận Bắc Từ Liêm	183	155	20	8
12	Quận Hà Đông	202	182	20	
13	Huyện Thanh Trì	210	182	18	10
14	Huyện Gia Lâm	211	188	23	
15	Huyện Đông Anh	240	202	12	26
16	Huyện Sóc Sơn	259	209	20	30
17	Huyện Ba Vì	177	156	21	
18	Thị xã Sơn Tây	180	157	23	
19	Huyện Thạch Thất	152	140	12	
20	Huyện Phúc Thọ	143	129	14	
21	Huyện Đan Phượng	153	130	23	
22	Huyện Hoài Đức	154	142	12	
23	Huyện Quốc Oai	165	141	24	
24	Huyện Chương Mỹ	167	143	24	
25	Huyện Thanh Oai	137	125	12	
26	Huyện Thường Tín	148	135	13	
27	Huyện Ứng Hòa	157	133	24	
28	Huyện Phú Xuyên	148	133	15	
29	Huyện Mỹ Đức	160	136	24	
30	Huyện Mê Linh	163	145	18	
<b>III</b>	<b>Biên chế dự phòng</b>	<b>17</b>	<b>17</b>		

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG  
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2019**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 05 /12/2018 của HĐND Thành phố)



STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
	<b>Tổng cộng toàn Thành phố</b>	<b>143 969</b>	<b>123 765</b>	<b>11 274</b>	<b>8 930</b>
<b>I</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành</b>	<b>33 694</b>	<b>29 859</b>	<b>3 608</b>	<b>227</b>
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	71	68	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 078	1 760	111	207
5	Sở Công Thương	79	70	9	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	38	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Giao thông Vận tải	92	78	14	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	90	74	16	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 810	1 635	1 175	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 615	10 056	539	20
12	Sở Y tế	15 859	14 403	1 456	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 436	1 192	244	
14	Sở Tư pháp	173	161	12	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	156	147	9	
16	Sở Quy hoạch Kiến trúc	97	83	14	
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	24	24		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố</b>	<b>2 805</b>	<b>2 563</b>	<b>242</b>	
1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long	216	122	94	
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch Thành phố	110	98	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	77	73	4	
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	146	143	3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	227	213	14	
7	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	184	177	7	
8	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	187	177	10	
9	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5	
10	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	144	129	15	
11	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	164	158	6	
12	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	160	152	8	
13	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	83	73	10	
14	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	252	245	7	
15	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	202	190	12	
16	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20	
<b>III</b>	<b>Khối Hội được giao biên chế</b>	<b>472</b>	<b>373</b>	<b>31</b>	<b>68</b>
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2	
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	5		
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1
8	Hội Đông Y	24	20	2	2
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019			
		Tổng cộng	Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã	106 962	90 934	7 393	8 635
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	1 993	1 674	194	125
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3 156	2 693	236	227
3	UBND Quận Ba Đình	2 759	2 380	208	171
4	UBND Quận Đống Đa	3 414	2 901	273	240
5	UBND Quận Tây Hồ	1 679	1 434	114	131
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 456	2 098	162	196
7	UBND Quận Cầu Giấy	2 696	2 352	150	194
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 360	2 863	223	274
9	UBND Quận Long Biên	3 919	3 293	249	377
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	2 254	1 926	139	189
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	2 674	2 291	158	225
12	UBND Quận Hà Đông	4 713	4 035	255	423
13	UBND Huyện Thanh Trì	4 021	3 375	296	350
14	UBND Huyện Gia Lâm	3 914	3 312	287	315
15	UBND Huyện Đông Anh	5 539	4 754	291	494
16	UBND Huyện Sóc Sơn	5 540	4 724	402	414
17	UBND Huyện Ba Vì	5 274	4 386	456	432
18	UBND Thị xã Sơn Tây	2 322	1 969	176	177
19	UBND Huyện Thạch Thất	3 699	3 168	255	276
20	UBND Huyện Phúc Thọ	3 313	2 813	222	278
21	UBND Huyện Đan Phượng	2 809	2 400	182	227
22	UBND Huyện Hoài Đức	4 277	3 630	232	415
23	UBND Huyện Quốc Oai	3 790	3 196	292	302
24	UBND Huyện Chương Mỹ	4 893	4 173	328	392
25	UBND Huyện Thanh Oai	3 409	2 917	210	282
26	UBND Huyện Thường Tín	4 025	3 476	268	281
27	UBND Huyện Ứng Hòa	3 569	3 022	277	270
28	UBND Huyện Phú Xuyên	4 003	3 402	266	335
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3 803	3 139	368	296
30	UBND Huyện Mê Linh	3 689	3 138	224	327
V	<b>BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG</b>	<b>36</b>	<b>36</b>		